

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tâm, ông Phạm Phước Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 438/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 19/TB-TA ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng T, địa chỉ: số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh Kha, chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng T (Giấy ủy quyền số 3495/2024/UQ-TGD ngày 08/5/2024). Địa chỉ: 278, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Đoàn Thị Kiều T, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 9, khóm M, phường V, Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng T trình bày :

Ngày 21/5/2018, Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Bà Đoàn Thị Kiều T đã ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, căn cứ vào thu nhập của Bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.527.000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng được 13.542.062 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở Bà T không có thiện chí trả nợ nên ngày 23/6/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/12/2023, Bà T còn nợ 34.287.205 đồng (trong đó dư nợ gốc 12.908.211 đồng, lãi quá hạn 21.378.994 đồng). Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bà T trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 42.644.143 đồng (trong đó nợ gốc 12.908.211 đồng, nợ lãi quá hạn 29.735.932 đồng) và yêu cầu tiếp tục cầu tính lãi suất cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa,

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định tại Điều 48, 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn không tham gia suốt quá trình; thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, ngày 21/5/2018 Bà Đoàn Thị Kiều T có ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, phía Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bà T trả một lần số tiền còn nợ 42.644.143 đồng (trong đó, nợ gốc 12.908.211 đồng, lãi quá hạn là 29.735.932 đồng) tính đến ngày 29/4/2025 là có căn cứ.

Từ phân tích trên, căn cứ quy định tại các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc Bà Đoàn Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T tính đến ngày 29/4/2025 là 42.644.143 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Bà Đoàn Thị Kiều T phải trả nợ vay từ hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Quyết định chuyển vụ án số 84/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc với lý do Bà T có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 9, khóm M, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Qua kết quả xác minh ngày 22/4/2025 do Công an phường V cung cấp xác định Bà Đoàn Thị Kiều T, sinh ngày 10/10/1976, có đăng ký thường trú tại tổ 3, khóm M, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Bà T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

- Về vốn vay: Giữa Ngân hàng T – Chi nhánh Tân Phú và Bà Đoàn Thị Kiều T có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/5/2018 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, với hạn mức là 15.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng Bà T đã thực hiện các giao dịch với số tiền 16.527.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng tín dụng, vay tài sản bằng hình thức sử dụng thẻ tín dụng mà Bà T đã ký kết với Ngân hàng nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 13.542.062 đồng thì ngưng nên đến ngày 23/6/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà T vẫn không trả nợ. Do đó, Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bà T trả nợ gốc tính đến ngày 29/4/2025 là 12.908.211 đồng là có căn cứ nên chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về lãi suất vay: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng và Bà T và mục 22 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 v/v ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng T quy định lãi suất là 2,6%/tháng. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 100, Điều 103 Luật

các tổ chức tín dụng năm 2024. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Bà T trả lãi quá hạn tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 29.735.932 là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 42.644.143 đồng (trong đó nợ gốc 12.908.211 đồng, nợ lãi quá hạn 29.735.932 đồng) và phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 857.180 đồng.

- Bị đơn Bà T phải chịu 2.132.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc Bà Đoàn Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 42.644.143 đồng (trong đó nợ gốc 12.908.211 đồng, nợ lãi quá hạn 29.735.932 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29 tháng 4 năm 2025), Bà T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 857.180 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002208 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đoàn Thị Kiều T phải chịu 2.132.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T và Bà Đoàn Thị Kiều T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam